

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 1457/STC-GCS

V/v gửi báo giá dự toán chi phí
xác định giá khởi điểm 79 chiếc
xe ô tô thu hồi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Kính gửi:

- Các Doanh nghiệp thẩm định giá;
- Các Chi nhánh Doanh nghiệp thẩm định giá.

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND thành phố thu hồi tài sản; trong đó thu hồi 79 chiếc xe ô tô dôi dư và giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các liên quan tổ chức tiếp nhận, thành lập Hội đồng định giá và tổ chức thực hiện bán đấu giá xe ô tô, nộp tiền vào ngân sách thành phố theo quy định.

Để đảm bảo thực hiện các thủ tục tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn xác định giá khởi điểm của 79 chiếc xe ô tô thu hồi (đợt 01 là 40 chiếc, đợt 02 là 39 chiếc).

Căn cứ quy định của Luật Đấu thầu, Sở Tài chính kính mời quý các doanh nghiệp thẩm định giá, các Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá có nhu cầu tham gia thì gửi Báo giá dự toán chi phí dịch vụ tư vấn xác định giá khởi điểm của 79 chiếc xe ô tô thu hồi (đề nghị đơn vị tư vấn báo giá dự toán chi phí dịch vụ tư vấn cụ thể của từng đợt) và gửi lại Sở Tài chính trước ngày 12/5/2021.

Để phục vụ lập dự toán chi phí tư vấn, đề nghị quý đơn vị liên lạc số điện thoại: 0236.3825.945 gặp anh Nguyễn Văn Hải để được cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan.

(Chi tiết 79 chiếc xe ô tô thu hồi tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo).

Sở Tài chính gửi các doanh nghiệp thẩm định giá, các Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá tham gia chào giá.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/cáo);
- Công thông tin điện tử TPĐN;
- Lưu: VT, VBĐT, GCS.



Phụ lục I



DANH SÁCH XE Ô TÔ THU HỒI ĐỂ BÁN ĐẦU GIÁ (ĐỢT 01)

(Kèm theo Công văn số: 1457/STC-GCS ngày 29 / 4 /2021 của Sở Tài chính TP Đà Nẵng)

TT	Đơn vị/Loại xe	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng
1	Ford	43E-1479	4	2003
2	Ford	43E-1122	4	2003
3	Ford	43E-1235	4	2003
4	Ford Laser 1.8	43E-1565	4	2003
5	Mitsubishi	43E-0665	9	1998
6	Ford Transit	43E-0812	16	2003
7	Toyota Altis 1.8	43A-000.21	4	2005
8	Toyota	43E-1259	5	2011
9	Mercedes - Benz E300	80B - 7879	5	
10	Toyota Hiace	43E-0871	15	2003
11	Mazda, Nhật	43E-1509	04	2002
12	Isuzu, Nhật	43E-0879	07	2002
13	Toyota corolla	43E-0777	5	2001
14	FORD	43E-2059	5	2006
15	TOYOTA	43E-2557	5	2006
16	FORD EVEREST	43E-2159	7	2006
17	Toyota	43E-0781	15	2002
18	Toyota Zace, Nhật	43E-00494	8	2002
19	Hiace Commuter Gasoline	43A-00321	16	2013
20	TOYOTA, Nhật Bản	43E-1389	12	2003
21	Toyota	43E-0714	04	2000
22	Toyota Corolla	43A-00316	5	2003
23	Toyota	43E-0448	4	1996
24	Ford Việt Nam	43E-1212	5	2003
25	TOYOTA	43E-2627	5	2008
26	Toyota	43A-00024	4	2000
27	Mitsubishi	43E-1602	7	2004

TT	Đơn vị/Loại xe	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng
28	Hyundai - Hàn Quốc	43A-00053	5	2012
29	Toyota	43E-2016	5	2006
30	Mitsubishi	43E-2005	8	2006
31	Altis, Nhật	43E-1626	4	2003
32	Toyota	43E-0856	12	2001
33	Toyota Camry	43A-00216	4	1999
34	Toyota Hiace Commuter	43E-1717	16	2004
35	Toyota	43E-1699	4	2004
36	Toyota Altis	43E-1819	4	2004
37	Isuzu	43E-1099	7	2007
38	Toyota	43A-1837	4	2015
39	Mitsubishi	80B-3234	7	2015
40	Toyota Altis	43E-1727	5	2004

TT	Đơn vị/Loại xe	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng
28	Hyundai - Hàn Quốc	43A-00053	5	2012
29	Toyota	43E-2016	5	2006
30	Mitsubishi	43E-2005	8	2006
31	Altis, Nhật	43E-1626	4	2003
32	Toyota	43E-0856	12	2001
33	Toyota Camry	43A-00216	4	1999
34	Toyota Hiace Commuter	43E-1717	16	2004
35	Toyota	43E-1699	4	2004
36	Toyota Altis	43E-1819	4	2004
37	Isuzu	43E-1099	7	2007
38	Toyota	43A-1837	4	2015
39	Mitsubishi	80B-3234	7	2015
40	Toyota Altis	43E-1727	5	2004

Phụ lục II

DANH SÁCH XE Ô TÔ THU HỒI ĐỀ BÁN ĐẤU GIÁ (ĐỢT 02)

Kèm theo Công văn số: 1457/STC-GCS ngày 29 / 4 / 2021 của Sở Tài chính TP Đà Nẵng



TT	Đơn vị/Loại xe	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng
1	Innova	43A-00311	07	2014
2	Toyota	43E-1729	05	2003
3	Toyota	43A-00149	05	2013
4	Toyota Hiace Commuter	43E-0826	16	2001
5	Toyota Crow	43E-1169 (43A-00356)	5	1997
6	Toyota Corolla	43E-0603	4	1997
7	Toyota	43A-00117 (BKS cũ 43E-1419)	4	2002
8	Toyota	43A-00528 (BKS cũ 43E-1251)	16	2002
9	Hyundai	43E-1728	1,25 tấn	2008
10	Mitsubishi	43E-1234	07	2001
11	Toyota Zace	43E - 1945	7	2004
12	Ford Ranger	29NN-30101	5chỗ/2 tấn	2010
13	Mitsubishi - Việt Nam	43A-05884	7	1998
14	Ford transit/Mỹ	43M-002.24	16	2013
15	Land Cruiser 4500	43E-0608	5	1998
16	Toyota	43E- 1277	16	2001
17	Toyota	43E-1675	12	2004
18	Toyota	43E-0922	16	2006
19	Vios	43E-0982	4	2004
20	Toyota	43E-0450	7	1994
21	Mazda	43E-11105	4	1995
22	Toyota	43E-0874	9	2005
23	Toyota	43A-00478	12	2003
24	Toyota -Nhật	43E -0459	07	2012
25	Toyota Jace	43E - 1489	8	2003

TT	Đơn vị/Loại xe	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng
26	Mitsubishi Pajero	43E-1763	7	2007
27	Nissan	43E-2896	05	2009
28	Toyota	43E-1709	5	2003
29	Toyota	43E-1042	15	2003
30	Toyota	43E-1718	4	2004
31	Toyota	43E-0656	05	1998
32	Toyota Việt Nam	43M-00215	04	2002
33	Ford Ranger	43E-0787	05	1995
34	Toyota Corolla	43A-11880	5	1997
35	Toyota Altis	43E-1954	4	2006
36	Toyota	43E-1572	7	2007
37	Inova Nhật Bản	43E-1815	7	2009
38	Toyota Altis	43E-1909	5	2004
39	Xe ô tô khác	43K-0650	5	1993